

SỞ Y TẾ - TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trung tâm Y tế huyện Thới Lai

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

(Theo Quyết định 3652/QĐ-BYT Ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024 - 2025)

## A. THÔNG TIN CHUNG

CƠ SỞ Y TẾ: 69606 - Trung tâm Y tế huyện Thới Lai - TP. Cần Thơ

Kiểu đánh giá: 2. Bệnh viện tự đánh giá cuối năm

Lần thứ: 1

## B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

| Nội dung đánh giá                                                                                                                                                             | Điểm   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1. Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện                                                                                                                                     | 30     |
| 2. Đánh giá bộ tiêu chí chất lượng                                                                                                                                            |        |
| 2.1. Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản                                                                                                                                    | 20     |
| 2.2. Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0                                                                                                                            | 345,88 |
| 3. Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế                                                                                                                             |        |
| 3.1. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Nội trú                                                                                                                                      | 48,15  |
| 30                                                                                                                                                                            |        |
| 3.2. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Ngoại trú                                                                                                                                    | 50,00  |
| 30                                                                                                                                                                            |        |
| 3.3. Tỷ lệ % hài lòng Nhân viên                                                                                                                                               | 48,86  |
| 30                                                                                                                                                                            |        |
| 4. Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực                                                                                                                                | 10     |
| 5. Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế                                                                                                           |        |
| 5.1. Đặt lịch hẹn khám                                                                                                                                                        | 10     |
| 5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa                                                                                                                        | 10     |
| 5.3. Triển khai bệnh án điện tử                                                                                                                                               | 10     |
| 5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, chuyển viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ | 5      |
| 5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện                                                                                                                    | 30     |
| 5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                             | 40     |

|                                                                                                                                                                 |                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, số giường thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực... | 20             |
| 5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật                                                                                                                 | 20             |
| 6. Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý                                                                                               | 20             |
| <b>TỔNG ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ</b>                                                                                                                             | <b>717,890</b> |

## C. BẢNG CHỨNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 1. BẢNG CHỨNG BỘ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ BẢN

| NHÓM TIÊU CHUẨN                            | TIÊU CHUẨN | SỐ BẢNG CHỨNG |
|--------------------------------------------|------------|---------------|
| I. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất            | 13         | 16            |
| II. Tiêu chuẩn về quy mô và cơ cấu tổ chức | 9          | 9             |
| III. Tiêu chuẩn về nhân sự                 | 2          | 2             |
| IV. Tiêu chuẩn về thiết bị y tế            | 5          | 4             |
| V. Tiêu chuẩn về chuyên môn                | 14         | 11            |

### 2. BẢNG CHỨNG BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG 2.0

| NHÓM TIÊU CHÍ                                                   | TIÊU MỤC | BẢNG CHỨNG |
|-----------------------------------------------------------------|----------|------------|
| <b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19 tiêu chí)</b>               |          |            |
| CHƯƠNG A1. CHỈ DẪN, ĐÓN TIẾP, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (6 tiêu chí) | 141      | Chưa có    |
| CHƯƠNG A2. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH          | 84       | Chưa có    |
| CHƯƠNG A3. ĐIỀU KIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH                        | 32       | Chưa có    |
| CHƯƠNG A4. QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI BỆNH                      | 111      | Chưa có    |
| <b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN</b>              |          |            |
| CHƯƠNG B1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NHÂN LỰC BỆNH VIỆN                | 48       | Chưa có    |
| CHƯƠNG B2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC                            | 55       | Chưa có    |
| CHƯƠNG B3. CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ ĐIỀU KIỆN, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC     | 65       | Chưa có    |
| CHƯƠNG B4. LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN                                   | 65       | Chưa có    |
| <b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</b>                             |          |            |
| CHƯƠNG C1. AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN CHÁY NỔ                  | 58       | Chưa có    |
| CHƯƠNG C2. QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN                                | 40       | Chưa có    |
| CHƯƠNG C3. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                         | 44       | Chưa có    |
| CHƯƠNG C4. PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN                  | 124      | Chưa có    |
| CHƯƠNG C5. CHẤT LƯỢNG LÂM SÀNG                                  | 89       | Chưa có    |
| CHƯƠNG C6. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH          | 78       | Chưa có    |
| CHƯƠNG C7. DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ                               | 83       | Chưa có    |

|                                                                                    |     |         |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------|
| CHƯƠNG C8. CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM                                                   | 46  | Chưa có |
| CHƯƠNG C9. QUẢN LÝ CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC                                       | 130 | Chưa có |
| CHƯƠNG C10. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC                                                    | 27  | Chưa có |
| <b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG</b>                                       |     |         |
| CHƯƠNG D1. THIẾT LẬP HỆ THỐNG VÀ XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG | 63  | Chưa có |
| CHƯƠNG D2. PHÒNG NGỪA CÁC SAI SÓT, SỰ CỐ VÀ KHẮC PHỤC                              | 94  | Chưa có |
| CHƯƠNG D3. ĐÁNH GIÁ, ĐO LƯỜNG, HỢP TÁC VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG                      | 42  | Chưa có |
| <b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA</b>                                        |     |         |
| CHƯƠNG E1. TIÊU CHÍ SẢN KHOA (ÁP DỤNG CHO BỆNH VIỆN CÓ KHÁM CHỮA BỆNH SẢN KHOA)    | 60  | Chưa có |
| CHƯƠNG E2. TIÊU CHÍ NHI KHOA (ÁP DỤNG CHO BỆNH VIỆN CÓ KHÁM CHỮA BỆNH NHI KHOA)    | 16  | Chưa có |

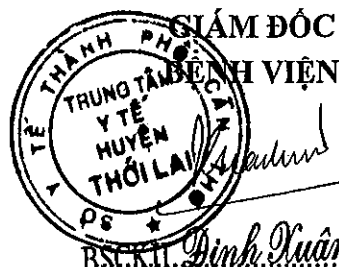
Đoàn kiểm tra bằng chứng và chịu trách nhiệm về tính pháp lý, khoa học, chất lượng của bằng chứng.

## GHI CHÚ:

TRƯỞNG PHÒNG/PHỤ TRÁCH  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tổ Phó Tổ QLCL

D.S.C.I.L.F. Lê P. W. Yên



BSCQH. Đinh Xuân Hải



## SỞ Y TẾ TP CẦN THƠ

## BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THỚI LẠI

Địa chỉ chi tiết: ấp thới Phong A, Thị trấn Thới Lai, Huyện Thới Lai, TP Cần Thơ, Thị Trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, Cần Thơ

Số giấy phép hoạt động: 559/SYT - GPĐD Ngày cấp: 17/10/2017

Tuyến trực thuộc: 3. Quận/Huyện

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ TP CẦN THƠ

Hạng bệnh viện: Hạng III

Loại bệnh viện: Đa khoa

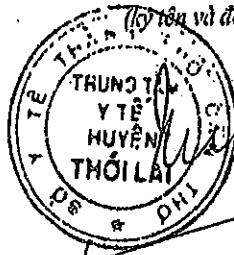
## TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 79/83 TIÊU CHÍ
2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 95%
3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 276 (Có hệ số: 294)
4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.46

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Tổng số tiêu chí |
|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|------------------|
| 5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:   | 0     | 8     | 33    | 29    | 9     | 79               |
| 6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:          | 0.00  | 10.13 | 41.77 | 36.71 | 11.39 | 79               |

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN  
(ký tên)NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN  
Lê Plui YểnGIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
(ký tên và đóng dấu)

BSCKII. Đinh Xuân Hải

## BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

### I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                                                           | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------|
| A     | PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)                                                                                  |                                |                           |          |
| A1    | A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)                                                           |                                |                           |          |
| A1.1  | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể                                                      | 5                              | 0                         |          |
| A1.2  | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật            | 5                              | 0                         |          |
| A1.3  | Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh                                   | 4                              | 0                         |          |
| A1.4  | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời                                                        | 3                              | 0                         |          |
| A1.5  | Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên   | 4                              | 0                         |          |
| A1.6  | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | 3                              | 0                         |          |
| A2    | A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)                                                                |                                |                           |          |
| A2.1  | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường                                                          | 4                              | 0                         |          |
| A2.2  | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện                                            | 4                              | 0                         |          |
| A2.3  | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt                                          | 5                              | 0                         |          |
| A2.4  | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý                                 | 4                              | 0                         |          |
| A2.5  | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện          | 3                              | 0                         |          |
| A3    | A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)                                                                             |                                |                           |          |
| A3.1  | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp                                               | 5                              | 0                         |          |
| A3.2  | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp                                               | 5                              | 0                         |          |
| A4    | A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)                                                                            |                                |                           |          |
| A4.1  | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị                                              | 5                              | 0                         |          |
| A4.2  | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân                                                                   | 3                              | 0                         |          |
| A4.3  | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác                                           | 4                              | 0                         |          |
| A4.4  | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế                                                            | 0                              | 0                         |          |
| A4.5  | Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời     | 3                              | 0                         |          |
| A4.6  | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp                 | 4                              | 0                         |          |
| B     | PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)                                                                   |                                |                           |          |
| B1    | B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)                                                                      |                                |                           |          |
| B1.1  | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện                                                                    | 3                              | 0                         |          |
| B1.2  | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện                                                             | 3                              | 0                         |          |
| B1.3  | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện                                                        | 4                              | 0                         |          |
| B2    | B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)                                                                                  |                                |                           |          |
| B2.1  | Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp                                                      | 3                              | 0                         |          |
| B2.2  | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức                                                      | 4                              | 0                         |          |
| B2.3  | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực                                                 | 4                              | 0                         |          |
| B3    | B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)                                                           |                                |                           |          |
| B3.1  | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế                                                   | 3                              | 0                         |          |
| B3.2  | Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế                    | 4                              | 0                         |          |

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                                                                 | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------|
| B3.3  | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện                                               | 5                              | 0                         |          |
| B3.4  | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế                                                                 | 4                              | 0                         |          |
| B4    | B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)                                                                                               |                                |                           |          |
| B4.1  | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai                                       | 3                              | 0                         |          |
| B4.2  | Triển khai văn bản của các cấp quản lý                                                                                   | 4                              | 0                         |          |
| B4.3  | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện                                                                      | 3                              | 0                         |          |
| B4.4  | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận                                                                 | 5                              | 0                         |          |
| C     | PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)                                                                                        |                                |                           |          |
| C1    | C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)                                                                              |                                |                           |          |
| C1.1  | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện                                                                                       | 4                              | 0                         |          |
| C1.2  | Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ                                                                              | 4                              | 0                         |          |
| C2    | C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)                                                                                            |                                |                           |          |
| C2.1  | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học                                                                       | 4                              | 0                         |          |
| C2.2  | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học                                                                    | 3                              | 0                         |          |
| C3    | C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)                                                                           |                                |                           |          |
| C3.1  | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế                                                                              | 3                              | 0                         |          |
| C3.2  | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn                               | 3                              | 0                         |          |
| C4    | C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)                                                                              |                                |                           |          |
| C4.1  | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn                                                                   | 4                              | 0                         |          |
| C4.2  | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện                       | 4                              | 0                         |          |
| C4.3  | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay                                                                     | 4                              | 0                         |          |
| C4.4  | Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện                                                   | 3                              | 0                         |          |
| C4.5  | Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                              | 0                              | 0                         |          |
| C4.6  | Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                             | 0                              | 0                         |          |
| C5    | C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)                                                                 |                                |                           |          |
| C5.1  | Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật                                                                     | 0                              | 0                         |          |
| C5.2  | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới                                                       | 2                              | 0                         |          |
| C5.3  | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng            | 3                              | 0                         |          |
| C5.4  | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị                                                                             | 4                              | 0                         |          |
| C5.5  | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện                                       | 3                              | 0                         |          |
| C6    | C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)                                                                      |                                |                           |          |
| C6.1  | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả                                                          | 3                              | 0                         |          |
| C6.2  | Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị | 5                              | 0                         |          |
| C6.3  | Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện                                          | 3                              | 0                         |          |
| C7    | C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)                                                               |                                |                           |          |
| C7.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện                        | 2                              | 0                         |          |
| C7.2  | Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện                            | 3                              | 0                         |          |
| C7.3  | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện                                        | 3                              | 0                         |          |
| C7.4  | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý                                                          | 3                              | 0                         |          |
| C7.5  | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện                                  | 2                              | 0                         |          |
| C8    | C8. Chất lượng vật nuôi (2)                                                                                              |                                |                           |          |

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                                                               | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------|
| C8.1  | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh                               | 3                              | 0                         |          |
| C8.2  | Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm                                                                                      | 3                              | 0                         |          |
| C9    | C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)                                                                              |                                |                           |          |
| C9.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động được                                                                    | 4                              | 0                         |          |
| C9.2  | Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược                                                                                       | 4                              | 0                         |          |
| C9.3  | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng                                            | 4                              | 0                         |          |
| C9.4  | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý                                                                                          | 4                              | 0                         |          |
| C9.5  | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng                    | 4                              | 0                         |          |
| C9.6  | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả                                                        | 4                              | 0                         |          |
| C10   | C10. Nghiên cứu khoa học (2)                                                                                           |                                |                           |          |
| C10.1 | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học                                                                      | 3                              | 0                         |          |
| C10.2 | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh     | 4                              | 0                         |          |
| D     | PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)                                                                             |                                |                           |          |
| D1    | D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)                                                                      |                                |                           |          |
| D1.1  | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện                                                                        | 3                              | 0                         |          |
| D1.2  | Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện                                                   | 3                              | 0                         |          |
| D1.3  | Xây dựng văn hóa chất lượng                                                                                            | 3                              | 0                         |          |
| D2    | D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)                                                                                 |                                |                           |          |
| D2.1  | Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh                                                         | 2                              | 0                         |          |
| D2.2  | Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục                                 | 2                              | 0                         |          |
| D2.3  | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa                                                      | 2                              | 0                         |          |
| D2.4  | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ                                                             | 3                              | 0                         |          |
| D2.5  | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã                                                                             | 4                              | 0                         |          |
| D3    | D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)                                                             |                                |                           |          |
| D3.1  | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện                                                | 3                              | 0                         |          |
| D3.2  | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện                                                                     | 2                              | 0                         |          |
| D3.3  | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện    | 3                              | 0                         |          |
| E     | PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA                                                                                   |                                |                           |          |
| E1    | E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) |                                |                           |          |
| E1.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh                                                      | 3                              | 0                         |          |
| E1.2  | Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh                | 4                              | 0                         |          |
| E1.3  | Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF            | 2                              | 0                         |          |
| E2.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa                                                                 | 3                              | 0                         |          |



## II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC                                                                                            | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Điểm TB | Số TC áp dụng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|---------|---------------|
| <b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>                                                                               | 0     | 0     | 5     | 7     | 6     | 4.06    | 18            |
| A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)                                                               | 0     | 0     | 2     | 2     | 2     | 4.00    | 6             |
| A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)                                                                    | 0     | 0     | 1     | 3     | 1     | 4.00    | 5             |
| A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)                                                                                 | 0     | 0     | 0     | 0     | 2     | 5.00    | 2             |
| A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)                                                                                | 0     | 0     | 2     | 2     | 1     | 3.80    | 5             |
| <b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)</b>                                                                | 0     | 0     | 6     | 6     | 2     | 3.71    | 14            |
| B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)                                                                          | 0     | 0     | 2     | 1     | 0     | 3.33    | 3             |
| B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)                                                                                      | 0     | 0     | 1     | 2     | 0     | 3.67    | 3             |
| B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)                                                               | 0     | 0     | 1     | 2     | 1     | 4.00    | 4             |
| B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)                                                                                             | 0     | 0     | 2     | 1     | 1     | 3.75    | 4             |
| <b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>                                                                               | 0     | 3     | 14    | 14    | 1     | 3.41    | 32            |
| C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)                                                                            | 0     | 0     | 0     | 2     | 0     | 4.00    | 2             |
| C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)                                                                                          | 0     | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50    | 2             |
| C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)                                                                         | 0     | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00    | 2             |
| C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)                                                                            | 0     | 0     | 1     | 3     | 0     | 3.75    | 4             |
| C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)                                                               | 0     | 1     | 2     | 1     | 0     | 3.00    | 4             |
| C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)                                                                    | 0     | 0     | 2     | 0     | 1     | 3.67    | 3             |
| C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)                                                             | 0     | 2     | 3     | 0     | 0     | 2.60    | 5             |
| C8. Chất lượng xét nghiệm (2)                                                                                          | 0     | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00    | 2             |
| C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)                                                                              | 0     | 0     | 0     | 6     | 0     | 4.00    | 6             |
| C10. Nghiên cứu khoa học (2)                                                                                           | 0     | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50    | 2             |
| <b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>                                                                      | 0     | 4     | 6     | 1     | 0     | 2.73    | 11            |
| D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)                                                                      | 0     | 0     | 3     | 0     | 0     | 3.00    | 3             |
| D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)                                                                                 | 0     | 3     | 1     | 1     | 0     | 2.60    | 5             |
| D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)                                                             | 0     | 1     | 2     | 0     | 0     | 2.67    | 3             |
| <b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA</b>                                                                            | 0     | 1     | 2     | 1     | 0     | 3.00    | 4             |
| B1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) | 0     | 1     | 1     | 1     | 0     | 3.00    | 3             |

